

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/DS-ST
Ngày: 25-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
(vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Ty

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 422/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Số A, khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Đào Thị H1, sinh năm 1975 và ông Trần Thanh T, sinh năm 1972; cùng hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã E, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn (bà H) có mặt tại phiên tòa. Bị đơn (bà H1, ông T) vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2018, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà H) trình bày:*

Bà H và vợ chồng bà H1, ông T có mối quan hệ quen biết do bà H1, ông T cần tiền để đáo hạn ngân hàng nên vào ngày 28/3/2018, bà H1, ông T vay của

bà H số tiền 1.850.000.000 đồng. Khi vay tiền bà H1, ông T cam kết đến ngày 02/4/2018 sẽ thanh toán lại hết số tiền đã vay cho bà H việc vay tiền bà H1, ông T có ký tên xác nhận vào “Hợp đồng mượn tiền” lập ngày 28/3/2018. Tuy nhiên, đến ngày 02/4/2018 đến hạn thanh toán số tiền đã vay cho bà H nhưng bà H1, ông T không thực hiện như cam kết mà cố tình né tránh, kéo dài. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu bà H1, ông T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà H tổng số tiền 1.998.000.000 đồng (gồm 1.850.000.000 đồng tiền vay gốc và 148.000.000 đồng tiền lãi). Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn (bà H) yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tính lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền 1.850.000.000 đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, kể từ ngày 03/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/6/2019 là 14 tháng 22 ngày. Theo mức lãi suất giới hạn là 10%/năm tương đương với lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền vay 1.850.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 14 tháng x 22 ngày là 226.230.333 đồng. Tổng số tiền bà H yêu cầu bà H, ông T phải liên đới thanh toán cho bà H là 2.076.230.333 đồng; trong đó: Tiền gốc là 1.850.000.000 đồng; tiền lãi là 226.230.333 đồng. Ngoài ra, bà H không có yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn (bà Đào Thị H1, ông Trần Thanh T):**

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn (bà H1, ông T) tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn bà H1, ông T cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn (bà H1, ông T). Quá trình xác minh, bị đơn (bà H1, ông T) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã E, huyện D, tỉnh Bình Dương.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn (bà H1, ông T) trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn (bà H1, ông T) thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn (bà H1, ông T) cố tình vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn (bà H1, ông T) theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà H) là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Bị đơn (bà H1, ông T) hiện đang cư trú tại ấp C, xã E, huyện D, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn (bà H) cho vợ chồng bị đơn (bà H1, ông T) vay số tiền 1.850.000.000 đồng vào ngày 28/3/2018 việc bị đơn (bà H1, ông T) vay tiền có lập “Hợp đồng mượn tiền” và có ký tên xác nhận và cam kết đến ngày 02/4/2018 sẽ thanh toán hết số tiền trên cho bà H nhưng đến nay bị đơn (bà H1, ông T) vẫn không thực hiện.

Do đó, nguyên đơn (bà H) khởi kiện yêu cầu bị đơn (bà H1, ông T) phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà H tổng số tiền 1.998.000.000 đồng (gồm 1.850.000.000 đồng tiền gốc và 148.000.000 đồng tiền lãi).

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ nguyên đơn (bà H) cung cấp là “Hợp đồng mượn tiền” lập ngày 28/3/2018 có chữ ký của bị đơn (bà H1, ông T) thể hiện hai bên có giao dịch cho vay, mượn tiền của nhau và bị đơn (bà H1, ông T) đã nhận đủ số tiền vay là 1.850.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (bà H1, ông T) vắng mặt không có lý do nên nguyên đơn (bà H) có đơn yêu cầu Tòa án giám định chữ ký tên và chữ viết họ tên của bị đơn (bà H1, ông T) trong “Hợp đồng mượn tiền” lập ngày 28/3/2018. Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định số: 07/2019/TCGD ngày 18/3/2019 giám định chữ ký tên và chữ viết họ tên của bị đơn (bà H1, ông T) tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Theo kết luận giám định số: 69/GĐ-PC09 ngày 03/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chữ ký tên và chữ viết họ tên “Đào Thị H1, Trần Thanh T” dưới mục “bên mượn tiền” trên “Hợp đồng mượn tiền” lập ngày 28/3/2018 trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn (bà H1, ông T) có vay của nguyên đơn (bà H) số tiền 1.850.000.000 đồng. Theo biên bản xác minh ngày 07/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thể hiện bị đơn (bà H1, ông T) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã E, huyện D, tỉnh Bình Dương. Việc bị đơn (bà H1, ông T) không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà H) đối với bị đơn (bà H1, ông T) là có cơ sở chấp nhận đối với số tiền gốc là 1.850.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Theo hợp đồng mượn tiền lập ngày 28/3/2018 quy định thời hạn thanh toán là sau 06 ngày (từ ngày 28/3/2018 đến ngày 02/4/2018). Mặc dù, “Hợp đồng mượn tiền” lập ngày 28/3/2018 giữa nguyên đơn (bà H) và bị đơn (bà H1, ông T) không thỏa thuận lãi suất nhưng đến ngày thanh toán tiền (từ ngày mượn là ngày 28/3/2018 đến thời hạn thanh toán là ngày 02/4/2018) đã quá thời hạn 06 ngày mà bị đơn (bà H1, ông T) không thanh toán số tiền đã vay cho nguyên đơn (bà H) nên nguyên đơn (bà H) yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán đối với bị đơn (bà H1, ông T). Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2018, nguyên đơn (bà H) khởi kiện yêu cầu bị đơn (bà H1, ông T) phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 02/4/2018 đến ngày 02/12/2018 là 08 tháng với mức lãi suất 1.0 %/tháng đối với số tiền vay gốc là 1.850.000.000 đồng bằng số tiền lãi là 148.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn (bà H) yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tính lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền 1.850.000.000 đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, kể từ ngày 03/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/6/2019 là 14 tháng 22 ngày. Theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất chậm trả nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn là 10%/năm tương đương với lãi suất 0,83%/tháng. Do đó, lãi suất chậm trả của số tiền vay 1.850.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 14 tháng x 22 ngày là 226.230.333 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn (bà H1, ông T) phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn (bà H) là 2.076.230.333 đồng (gồm 1.850.000.000 đồng tiền gốc và 226.230.333 đồng tiền lãi) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí giám định: Nguyên đơn (bà H) đã nộp số tiền 3.060.000 đồng và bà đã nộp xong. Do đó, bị đơn (bà H1, ông T) phải trả lại cho nguyên đơn (bà H) số tiền 3.060.000 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn (bà H1, ông T) phải chịu án phí đối với số tiền phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn (bà H).

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát : Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H đối với bị đơn bà Đào Thị H1 và ông Trần Thanh T.

Buộc bà Đào Thị H1 và ông Trần Thanh T liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 2.076.230.333 đồng (hai tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm ba mươi ngàn ba trăm ba mươi ba đồng); trong đó: Tiền gốc là 1.850.000.000 đồng (một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng); tiền lãi là 226.230.333 đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đào Thị H1 và ông Trần Thanh T không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà H1, ông T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2/ Chi phí giám định: Số tiền 3.060.000 đồng (ba triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng) bà H đã nộp xong. Bà Đào Thị H1 và ông Trần Thanh T có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 3.060.000 đồng (ba triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng).

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đào Thị H1 và ông Trần Thanh T phải chịu 73.524.607 đồng (bảy mươi ba triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm lẻ bảy đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 35.970.000 đồng (ba mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012642 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 25/6/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Ty